

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/06/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+PPD+VSP02	7:25	13+5+4	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
2		RP3+RP1+TD3	7:25	8+7+6	0+0+0		7+4+11	0+0+0	chuyen 2 rp3-rp1, c1 rp3-td3
3		CTK3+VSP01+TD5	9:25	6+3+12	0+0+0		2+3+17	0+0+0	
4		TD5+RP3+BK20	9:25	12+8+1	0+0+0		3+16+3	0+0+0	
5		RP2+SAVR+RC4	11:25	21+0+0	0+0+0		7+7+7	0+0+0	

TTBĐSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/06/2025	TO: TD3 - PPD - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ TIÊN LỰC	TD3	65	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THĂNG	TD3	58	1	5	2	36	73	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	61	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẠO XUÂN KHIÊM	TD3	62	1	9			47	KHOAN	Vietnamese
5	LIU QUYẾT THĂNG	TD3				1	26	67	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	63	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG HUY LONG	TD3	60	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	64	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3						77	ANTOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH NGUYỄN	TD3	59	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ NGỌC THANH	TD3	54-56	3	15			67	KHOAN	Vietnamese
12	PHUNG VĂN XUYEN	TD3	57	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG THANH TU	TD3						85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TIÊN SỸ	PPD	18	1	13			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐẠT	PPD	11-12	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ MẠNH HÙNG	PPD	16	1	15	1	13	60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGŨ TRUNG KIẾN	PPD	13-14	2	15	1	20	76	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ CÔNG CHÍNH	PPD	15	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TOÀN	VSP02	24	1	6			88	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	23	1	7			71	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN TRUNG	VSP02	24-25	2	9			87	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	VSP02	700	1	8			59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	13	898	12	67	3	62	12		
2	PPD	5	351	7	72	2	33	5		
3	VSP02	4	305	5	30	0	0	5		
TOTAL		22	1.554	24	169	5	95	22		
WEIGHT KG			1.554		169		95			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/06/2025	TO: RP3 - RP1 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOAN - SON - TOAN	ETA: 09:25
CAM: 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	RP3	86	1	8			67	KHI	Vietnamese
2	VÕ PHI HÒ	RP3	88	1	10			87	KHI	Vietnamese
3	KHUÔNG VĂN ĐỊNH	RP3	89	1	8			66	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÙNG	RP3	90-91	2	12			57	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ QUỐC PHONG	RP3	87	1	7			73	KHI	Vietnamese
6	PHÙNG BA CHIẾN	RP3	81-82	2	9			70	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	84-85	2	6			73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG ĐỊNH CHIẾN	RP3	83	1	5			68	PSV	Vietnamese
9	VŨ THANH TÙNG	RP1	97	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN TỬ	RP1	98-99	2	12	2	40	86	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ QUỐC VINH	RP1	93	1	5			71	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	RP1						60	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUY	RP1	96	1	11			75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HUAN	RP1	94	1	4			74	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN LƯU	RP1	95	1	6			54	PSV	Vietnamese
16	NGO DUY THANH	TD3	93-94	2	13			71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ THÈ HÙNG	TD3	97	1	11			65	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HỮU HẬU	TD3	98	1	5	3	45	68	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG MINH TUẤN	TD3	96	1	16			86	KHOAN	Vietnamese
20	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	91-92	2	9			67	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO VĂN TIẾN	TD3	95	1	7			62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	8	561	11	65	0	0	7+3	CHUYEN 2 PAX RP3-RP1, CHUYEN 1 PAX RP3-TD3	
2	RP1	7	479	7	48	2	40	4		
3	TD3	6	419	8	61	3	45	11		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.459</b>	<b>26</b>	<b>174</b>	<b>5</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.459</b>		<b>174</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

*level chuyen pax xin ngồi ghế phụ*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/06/2025	TO: CTK3 - VSP01 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VIET MANH	CTK3	74-75	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
2	THIEU VAN LONG	CTK3	80	1	8			76	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ XUÂN BÌNH	CTK3	76-77	2	15	2	30	68	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN HOANG SƠN	CTK3	73	1	19	1	9	99	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC SON	CTK3	18-19	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TUYEN	CTK3	70-71	2	23			61	NHATHAU	Vietnamese
7	TRẦN THANH QUANG	VSP01	06	1	7			72	VIỆT PHÁT	Vietnamese
8	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	05	1	3			69	PSV	Vietnamese
9	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	04	1	7			62	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DUY	TD5	89	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	84	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DINH	TD5	86,94	2	20			83	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ QUỐC BAO	TD5	85	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐỊNH	TD5	83	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
15	NHƯ THANH TUYEN	TD5	88	1	10			64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	82	1	13			57	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH CONG	TD5	81	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN ĐIỀU	TD5	87	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
19	ILASHENKO DMITRII	TD5	90	1	11			76	ANTOAN	Russian
20	NGUYEN VIET DUNG	TD5	91	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ VINH CUONG	TD5	92	1	7	1	58	68	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	6	445	10	99	3	39	2		
2	VSP01	3	203	3	17	0	0	3		
3	TD5	12	855	13	101	1	58	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.503</b>	<b>26</b>	<b>217</b>	<b>4</b>	<b>97</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.503</b>		<b>217</b>		<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/06/2025	TO: TD5 - RP3 - BK20	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KHOÀN - SON - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI TÂN BÌNH	TD5	37	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD5	27	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NAM (KS)	TD5	38	1	16			77	DVL	Vietnamese
4	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD5	34	1	11			78	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN CHI LINH	TD5	32	1	9			80	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	TD5	33	1	13			89	DVL	Vietnamese
7	PHAN VINH TRUONG	TD5	36	1	11			71	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LỢI	TD5	30	1	14	1	9	64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRANG	TD5	28-29	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN Y	TD5	24	1	7	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN LỢI	TD5	26	1	6			56	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN SY	TD5	35	1	4			54	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC HÙNG	RP3	96	1	4			78	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN AN	RP3	95	1	11			69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN BA MẬU	RP3	94	1	5			65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THẠO	RP3	92	1	5	3	55	76	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HIẾU	RP3	93	1	6			56	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ NGỌC QUI	RP3	97	1	4			53	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN PHU	RP3	98	1	3			56	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRI CHUNG	BK20	09-10	2	22	1	20	52	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	12	853	13	119	2	26	3		
2	RP3	7	453	7	38	3	55	16		
3	BK20	1	52	2	22	1	20	3		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.358</b>	<b>22</b>	<b>179</b>	<b>6</b>	<b>101</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.358</b>		<b>179</b>		<b>101</b>			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/06/2025	TO: RP2 - SAVR - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - THU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	RP2	56-57	2	20			79	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THU	RP2	50	1	13			66	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THUẬT	RP2	54-55	2	18			75	DVL	Vietnamese
4	ĐƯƠNG BA VINH	RP2	51	1	15			96	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LONG	RP2	35	1	15			68	DVL	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC TUẤN	RP2	36	1	12			71	DVL	Vietnamese
7	TRẦN QUANG KHU	RP2	27	1	11	1	20	69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LUYỆN	RP2	28-29	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	RP2	41-42	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN SY TINH	RP2	32-33	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THAI	RP2	45-46	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN HẬU	RP2	39	1	15	1	10	61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOANG	RP2	30-31	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THANH TRƯƠNG	RP2	37-38	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	RP2	47-48	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HOANG LIÊM	RP2	49	1	5			84	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LONG	RP2	52	1	15			61	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN KHA	RP2	53	1	17	1	8	68	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN DUC HUNG	RC4	23,25	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG NGOC HOAI	RC4	24	1	18	1	20	64	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	18	1.264	27	284	3	38	7		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	7		
3	RC4	2	137	3	38	1	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.401</b>	<b>30</b>	<b>322</b>	<b>4</b>	<b>58</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.401</b>		<b>322</b>		<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN